TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST Ngày: 26/8/2025 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Đình Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2025/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Phùng H1, sinh năm 1980; Số CCCD: 074080001046; địa chỉ thường trú: Số A, đường Nguyễn Thị Minh K, khu phố B, phường Phú H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố Phú H, phường Phú L, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên hệ: Số C, Đường số D, Khu Đô thị Trung tâm Hành chính thành phố Dĩ A, khu phố Nhị Đ, phường Dĩ A, thành phố Dĩ A, tỉnh Bình Dương (nay là phường Dĩ A, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Hồng H2, sinh năm 1985; Số CCCD: 074185007984; địa chỉ: Số E, Đường F, Khu dân cư Hiệp T, tổ H, khu phố G, phường Hiệp T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố Hiệp T, phường Phú L, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2025 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Võ Phùng H1 trình bày:

Ông Võ Phùng H1 và bà Phạm Thị Hồng H2 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường Phú L, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/2011 ngày 17/01/2011. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng càng về sau thì giữa ông H1 và bà H2 lại phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể giải quyết. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống trái ngược nhau, vợ chồng không thể hòa đồng trong cuộc sống, gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, ngột ngạt, hôn nhân không có hạnh phúc. Sau khi nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án và nhận được thông báo thụ lý của Tòa án, do mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể nào hòa giải, hàn gắn được với nhau, mà trở nên trầm trọng hơn nên ông H1 đã dọn ra ngoài sinh sống. Nay ông H1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể nào tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông H1 được ly hôn với bà Phạm Thị Hồng H2.

Về con chung, ông H1 và bà H2 có 02 con chung là cháu Võ Phúc Minh K1, sinh ngày 27/11/2012 và cháu Võ Phúc Minh K2, sinh ngày 21/10/2017. Khi ly hôn, các con chung sẽ do bà H2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho mỗi con chung. Công việc của ông H1 là Giám đốc ngân hàng, lương bình quân là 39.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Hồng H2 trình bày:

Bà H2 thống nhất với phần trình bày của ông Võ Phùng H1 về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và về con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng chỉ những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày. Bà H2 và ông H1 đều có công việc và công việc của ông bà rất bận rộn. Tuy nhiên, tất cả các công việc trong gia đình và con cái đều do một mình bà H2 quán xuyến, lo toan, không hề nhận được sự chia sẽ, cảm thông từ ông H1. Khi bà H2 hỏi han, quan tâm thì ông H1 gắt gỏng, cho rằng bà H2 làm phiền cuộc sống của ông. Ông H1 xác định chỉ muốn chuyên tâm cho công việc, không muốn bà H2 làm ảnh hưởng. Nay bà H2 xác định bà không đồng ý ly hôn với ông H1, vì hiện tại bà chưa chấp nhận được sự thật là gia đình tan vỡ. Hơn nữa, giữa bà H2 và ông H1 chưa giải quyết xong vấn đề tài sản, con cái nên bà H2 muốn sau khi giải quyết xong con cái, tài sản thì mới ly hôn.

Trường hợp có căn cứ để Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn, bà H2 có ý kiến về con chung, tài sản chung, nợ chung như sau:

- Về con chung: Hiện cháu Võ Phúc Minh K1, sinh ngày 27/11/2012 và cháu Võ Phúc Minh K2, sinh ngày 21/10/2017 đang sống chung với bà H2. Bà H2 cho rằng hiện bà chưa suy nghĩ được là sau khi ly hôn các con sẽ sống với ai, vì các con đều thương cha, sau khi suy nghĩ xong bà sẽ thông báo lại. Công việc của bà H2 là nhân viên ngân hàng, thu nhập bình quân là 20.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H2 thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, sau khi thỏa thuận xong sẽ giải quyết vấn đề ly hôn. Hiện tại, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ các yêu cầu và ý kiến đã trình bày. Về phía bị đơn bà H2 yêu cầu nguyên đơn ông H1 cấp dưỡng cho mỗi con chung là 10.000.000

đồng/tháng và phải có trách nhiệm với các con sau khi các cháu đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, ông H1 không đồng ý yêu cầu của bà H2, và xác định mức cấp dưỡng cho mỗi con chung là 5.000.000 đồng/tháng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Phùng H1 đối với bị đơn bà Phạm Thị Hồng H2 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

[1.1] Ông Võ Phùng H1 và bà Phạm Thị Hồng H2 tự nguyện kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường Phú L, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/2011 ngày 17/01/2011 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[1.2] Nguyên đơn xác định sau khi kết hôn, giữa ông H1 và bà H2 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể giải quyết được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống trái ngược nhau, vợ chồng không thể hòa đồng trong cuộc sống, gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, ngột ngạt, hôn nhân không có hạnh phúc. Hiện nay, do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung nên ông H1 đã dọn ra ngoài sinh sống. Vì vậy, ông H1 vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với bà H2.

[1.3] Về phía bị đơn thừa nhận quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng chỉ những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày. Công việc của cả hai đều rất bận rộn, nhưng mọi việc trong gia đình và con cái đều do một mình bà H2 quán xuyến. Ông H1 cho rằng ông chỉ muốn chuyên tâm công việc, không muốn bà H2 làm phiền cuộc sống của ông nên yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên, hiện tại bà H2 chưa chấp nhận được sự thật là gia đình tan vỡ và cả hai chưa giải quyết xong về vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung nên bà H2 không đồng ý ly hôn.

[1.4] Xét thấy, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều xác định quá trình sống chung, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, làm cho không khí trong gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, ngột ngạt. Mâu thuẫn giữa ông H1 và bà H2 đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung khi giải quyết các vấn đề trong gia đình. Đồng thời, bà H2 cũng xác định sau khi giải quyết xong vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung thì bà H2 đồng ý giải quyết việc ly hôn. Hiện ông H1 và bà H2 đã sống ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, việc ai nấy làm, không còn quan tâm đến nhau, làm cho hôn nhân của ông H1 và bà H2 lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Phùng H1 đối với bà Phạm Thị Hồng H2 là có cơ sở chấp nhận và

phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông H1 và bà H2 có 02 con chung là cháu Võ Phúc Minh K1, sinh ngày 27/11/2012 và cháu Võ Phúc Minh K2, sinh ngày 21/10/2017. Ông H1 yêu cầu sau khi ly hôn, các con chung sẽ do bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện cháu K1 và cháu K2 đang sống chung với bà H2, do bà H2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hơn nữa, cháu K1 bị bệnh rối loạn tic nhất thời, rối loạn của hoạt động và chú ý, cháu K2 thì còn nhỏ nên các cháu rất cần sự quan tâm, chăm sóc chu đáo của người mẹ. Bà H2 có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con chung. Do vậy, việc giao cháu Võ Phúc Minh K1, sinh ngày 27/11/2012 và cháu Võ Phúc Minh K2, sinh ngày 21/10/2017 cho bà H2 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do cháu Khôi và cháu Khang được giao cho bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên ông H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà H2 yêu cầu ông H1 cấp dưỡng cho mỗi con chung là 10.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, ông H1 chỉ đồng ý với mức cấp dưỡng là 5.000.000 đồng/tháng đối với mỗi con chung.

Xét thấy, tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết"*

Tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình quy định: "*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con"*.

Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động là 4.960.000 đồng/tháng.

Qua xem xét mức thu nhập bình quân hàng tháng của ông Võ Phùng H1 và nhu cầu thiết yếu của các con chung thì mức cấp dưỡng cho mỗi con chung là 5.000.000 đồng/tháng mà ông H1 đưa ra là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024; khoản 1 Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024; Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Công văn số 189/SNV-LĐTLBHXH ngày 08/7/2025 của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 177, 235, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Phùng H1 đối với bị đơn bà Phạm Thị Hồng H2 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Phùng H1 được ly hôn với bà Phạm Thị Hồng H2.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Võ Phúc Minh K1, sinh ngày 27/11/2012 và cháu Võ Phúc Minh K2, sinh ngày 21/10/2017 cho bà Phạm Thị Hồng H2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Võ Phùng H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Võ Phúc Minh K1, sinh ngày 27/11/2012 và cháu Võ Phúc Minh K2, sinh ngày 21/10/2017 với mức cấp dưỡng cho mỗi con chung là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ ngày có bản án của Tòa án đến khi cháu Khôi và cháu Khang đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Hồng H2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Võ Phùng H1 chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thì hàng tháng ông H1 còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Phùng H1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về việc ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tiền số BLTU/24-0004134 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A). Ông H1 còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực A - Tp. HCM;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Phú L;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Chung